

Số: /GPMT-KCNKKT Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH You Tong Việt Nam tại Văn bản số 0319/CV ngày 19/3/2026 về đề nghị cấp phép môi trường và Văn bản số 0319/VBGT ngày 19/3/2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở tại Nhà xưởng 6B, đường số 3, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH You Tong Việt Nam (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất You Tong (Việt Nam), quy mô sản xuất trạm khí tượng không dây thông minh, công suất 632.000 sản phẩm/năm và sản xuất nhiệt kế không dây trong nhà và ngoài trời, công suất 1.656.000 sản phẩm/năm ” tại Nhà xưởng 6B, đường số 3, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH You Tong Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng 6B, đường số 3, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Boustead Project Land (Việt Nam)).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3604012934, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch – Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7650712457, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp.

1.4. Mã số thuế: 3604012934.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất trạm khí tượng không dây thông minh và sản xuất nhiệt kế không dây trong nhà và ngoài trời.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 2.935,72 m².

- Phạm vi: được thực hiện tại Nhà xưởng 6B, đường số 3, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm C (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ (tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ thẩm định).

- Công suất: Sản xuất trạm khí tượng không dây thông minh, công suất 632.000 sản phẩm/năm và sản xuất nhiệt kế không dây trong nhà và ngoài trời, công suất 1.656.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất:

(1) Trạm khí tượng không dây thông minh

Gia công PCM của bộ phát: Kiểm tra nguyên liệu đầu vào của bảng COB – Hàn linh kiện trên bảng mạch chính – Kiểm tra chức năng bảng PCM – Kiểm tra ngoại quan – PCM của bộ phát chuyển sang giai đoạn lắp ráp hoàn thiện bộ phát (Bán thành phẩm) (1)

Lắp ráp hoàn thiện bộ phát: Nguyên liệu đầu vào – Lắp ráp cụm vỏ dưới – Cố định và lắp dải lụa – Hàn dây cáp + đầu nối – Kết nối dây cáp đầu nối với PCM của bộ phát (1) – Kiểm tra chức năng PCM (bán thành phẩm) – Lắp ráp cụm vỏ trên - Kiểm tra quy trình nội bộ, lắp ráp vỏ hoàn chỉnh - Kiểm tra sản phẩm – Kiểm tra ngoại quan – Bộ phát (Bán thành phẩm) (2)

Gia công PCM của bộ phận chính: Kiểm tra nguyên liệu đầu vào của bảng PCM – Hàn linh kiện trên bảng PCM - Kiểm tra chức năng bảng PCM - Cố định linh kiện - Kiểm tra ngoại quan – PCM của bộ phận chính chuyển sang quy trình lắp ráp hoàn thiện bộ phận chính (Bán thành phẩm) (3)

Lắp ráp hoàn thiện bộ phận chính: Kiểm tra nguyên liệu vỏ – Lắp màn hình LCD, thanh dẫn điện, tấm dẫn sáng và nút bấm vào vỏ trước – Lắp bảng mạch chính (3) vào vỏ – Hàn cảm biến độ ẩm - Lắp tấm pin vào vỏ sau - Hàn dây nguồn - Ép keo cố định nút bấm - Bôi keo cố định loa báo (buzzer) - Kết nối dây cáp đầu nối, lắp ráp các linh kiện, sắp xếp dây và ghép vỏ - Kiểm tra sản phẩm hoàn thiện - Kiểm tra ngoại quan – Đóng gói (Bao gồm Bộ phát (2) và Bộ phận chính) – Thành phẩm.

(2) Nhiệt kế không dây trong nhà và ngoài trời

Gia công PCM của bộ phát: Kiểm tra nguyên liệu đầu vào của bảng PCM – Hàn linh kiện trên bảng PCM – Kiểm tra chức năng bảng PCM – Cố định linh kiện – Kiểm tra ngoại quan – PCM của bộ phát chuyển sang giai đoạn lắp ráp hoàn thiện bộ phát (Bán thành phẩm) (1)

Lắp ráp hoàn thiện bộ phát: Kiểm tra nguyên liệu vỏ trước và vỏ sau – Lắp nắp chống thấm nước vào vỏ trước và vỏ sau – Lắp PCM của bộ phát (1) vào vỏ trước – Cố định bảng mạch bằng đinh – Lắp tấm pin vào vỏ sau – Kết nối bảng mạch chính với tấm pin trong vỏ sau – Ghép vỏ trước và vỏ sau - Kiểm tra sản phẩm hoàn thiện – Kiểm tra ngoại quan – Bộ phát (Bán thành phẩm) (2)

Gia công PCM của bộ phận chính: Kiểm tra nguyên liệu đầu vào của bảng PCM – Hàn linh kiện trên bảng PCM - Kiểm tra chức năng bảng PCM - Cố định linh kiện - Kiểm tra ngoại quan - PCM của bộ phận chính chuyển sang quy trình lắp ráp hoàn thiện bộ phận chính (Bán thành phẩm) (3)

Lắp ráp hoàn thiện bộ phận chính: Kiểm tra nguyên liệu vỏ trước và vỏ sau – Lắp màn hình LCD, tấm dẫn sáng và các linh kiện khác vào vỏ trước – Lắp bảng mạch chính (3) vào vỏ trước – Kết nối các linh kiện trên vỏ trước với bảng mạch chính - Lắp tấm pin, nút bấm và giắc DC - Kết nối bảng mạch chính với tấm pin trong vỏ sau - Lắp nút bấm silicon, ghép vỏ trước và vỏ sau - Kiểm tra sản phẩm hoàn thiện - Kiểm tra ngoại quan – Đóng gói (Bao gồm Bộ phát (2) và Bộ phận chính) – Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ... tháng ... năm 2035).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nhơn Trạch;
- Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (Tr.L).

Phạm Việt Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT- KCNKKT ngàytháng.....năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải phát sinh từ cơ sở (sau xử lý bằng bể tự hoại) được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Boustead Project Land (Việt Nam) (đơn vị cho thuê nhà xưởng) để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, không xả trực tiếp ra môi trường. Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Boustead Project Land (Việt Nam) tại các văn bản: Hợp đồng thuê xưởng số 03/2025/HDNT.BPLV ngày 06 tháng 2 năm 2025, Hợp đồng tiện ích số 10/2025/HĐTI.BPLV ngày 23 tháng 04 năm 2025.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà xưởng với lưu lượng khoảng 4,5 m³/ngày được thu gom về bể tự hoại của nhà xưởng để xử lý sơ bộ, sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Boustead Project Land (Việt Nam) bằng đường ống uPVC D200 để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày (24 giờ) của Công ty TNHH Boustead Project Land (Việt Nam) để xử lý tại hố ga thu gom có tọa độ X = 1185440, Y = 627047 (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty Boustead Project Land (Việt Nam) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú.

- Thể tích thiết kế bể tự hoại: 10 m³/bể. Số lượng: 01 bể.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
- Chế độ vận hành: tự chảy.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.
- Khi hệ thống xử lý nước thải của Công ty Boustead Project Land (Việt Nam) xảy ra sự cố, Chủ cơ sở có trách nhiệm phối hợp và tạm ngừng các hoạt động có phát sinh nước thải cho đến khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường trở lại. Sau khi Công ty Boustead Project Land (Việt Nam) khắc phục xong sự cố, Chủ cơ sở tiếp tục hoạt động sản xuất khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày (24 giờ) của Công ty Boustead Project Land (Việt Nam) để xử lý.

3.2. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT- KCNKKT
ngàytháng.....năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01-30: Khói hàn phát sinh từ chuyên gia công.
- Nguồn số 31-40: Hơi keo phát sinh từ chuyên lắp ráp 1.
- Nguồn số 41-50: Hơi keo phát sinh từ chuyên lắp ráp 2.
- Nguồn số 51-53: Khí thải phát sinh từ công đoạn khắc laser.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)	
		X (m)	Y (m)
01	Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải (nguồn số 01 - 53)	1.185.330	408.276

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH You Tong Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng 6B, đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải 01: Lưu lượng xả khí thải khoảng 25.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải (chiều cao 1 m tính từ mái nhà xưởng, đường kính ống khói D900 mm), xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/ BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Đồng và hợp chất tính theo Cu	mg/Nm ³	5		
3	Toluene	mg/Nm ³	100		

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01-30: Khí thải (khói hàn) phát sinh từ chuyên gia công được thu gom và đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính của cơ sở.

- Nguồn số 31-40: Khí thải (hơi keo) phát sinh từ chuyên lắp ráp 1 được thu gom và đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính của cơ sở.

- Nguồn số 41-50: Khí thải (hơi keo) phát sinh từ chuyên lắp ráp 2 được thu gom và đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính của cơ sở.

- Nguồn số 51-53: Khí thải phát sinh từ công đoạn khắc laser được thu gom và đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (nguồn số 01 đến 53):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Họng hút tại chuyên → Ống hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt ly tâm → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, dự kiến vận hành thử nghiệm vào tháng 06 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- 01 Hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ hấp phụ than hoạt tính công suất 25.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, tương ứng với 01 ống thoát của 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.5. Bố trí các công trình xử lý khí thải đảm bảo quy hoạch xây dựng.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT- KCNKKT
 ngàytháng.....năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
 các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: khu vực chuyên gia công;
- Nguồn số 02: khu vực chuyên lắp ráp 1;
- Nguồn số 03: khu vực chuyên lắp ráp 2;
- Nguồn số 04: khu vực chuyên đóng gói;
- Nguồn số 05: khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Công ty TNHH You Tong Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng 6B, đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

STT	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực chuyên gia công	1185378.68	408265.40
2	Khu vực chuyên lắp ráp 1	1185377.82	408258.18
3	Khu vực chuyên lắp ráp 2	1185377.62	408248.99
4	Khu vực chuyên đóng gói	1185375.54	408241.22
5	Khu vực hệ thống xử lý khí thải	1185330.32	408276.65

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giá trị giới hạn tiếng ồn: Theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

STT	Quy chuẩn áp dụng	Giới hạn cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	Khu vực xưởng làm việc
2	QCVN 26:2010/BTNMT	Từ 6-21 giờ: ≤ 70 Từ 21-6 giờ: ≤ 55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Giá trị giới hạn độ rung: Theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

* Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27: 2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT- KCNKKT
ngàytháng.....năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có linh kiện điện tử thải	19 02 06	Rắn	300
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	916
5	Pin thải, Ắc quy thải	19 06 01	Rắn	150
Tổng cộng				1.426

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Túi nilon	Rắn	200
2	Giấy vụn và carton	Rắn	250
3	Hộp mực in từ văn phòng	Rắn	50
4	Bùn thải từ bể tự hoại	Bùn	100
Tổng cộng			600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	15.000
Tổng khối lượng		15.000

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	400
2	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, bao tay có các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	500
Tổng cộng				900

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 10 m² (bên trong nhà xưởng).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) được bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng; có vách bao quanh, có mái che, nền được gia cố bằng bê tông chống thấm, có rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng chảy tràn, có dán nhãn các khu vực lưu chứa từng loại chất thải để thuận tiện trong lưu chứa, quản lý và xuất xử lý; có biển dấu hiệu cảnh báo CTNH, dụng cụ PCCC, vật liệu thấm hút như cát khô, mùn cưa...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 10 m² (bên trong nhà xưởng).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường được bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng, có vách bao quanh, có mái che, nền được gia cố bằng bê tông chống thấm, có dán nhãn khu vực lưu chứa và trang bị thiết bị PCCC,...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Các thùng chứa, bao bì,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. *Khu vực tập kết*: Nền bê tông chống thấm, mái lợp tôn, có gắn biển báo của khu lưu chứa.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng tại khu vực lưu chứa hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Các nội dung khác:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố

môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền,, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, Chủ cơ sở phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch (nơi xảy ra sự cố) và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-KCNKKT
ngàytháng.....năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý
các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho dự án; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

4. Thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung được cấp giấy phép và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

5. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng chăm sóc cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi của dự án (nếu có).

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên

quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**